

THÔNG TIN LIÊN LẠC TRONG VIỆC BẢO VỆ VÙNG BIỂN DƯỚI THỜI VUA GIA LONG, MINH MẠNG

LÊ TIẾN CÔNG*

Là triều đại cuối cùng trong lịch sử phong kiến Việt Nam, triều Nguyễn đã tổng kết những tri thức, kinh nghiệm xây dựng và bảo vệ đất nước của các triều đại trước để xây dựng một quốc gia thống nhất, vững mạnh có vị trí trong khu vực. Đặc biệt, khi những cuộc thăm dò của thực dân phương Tây dưới danh nghĩa buôn bán và truyền đạo ngày một nhiều và lộ rõ ý đồ xâm lược thì nhu cầu bảo vệ quốc gia từ phía biển được đặt ra hiện hữu và cấp thiết.

Nguyễn Ánh - Gia Long là người hiểu hơn ai hết vị trí quan trọng của biển bởi một phần đời của ông phải sống trên biển; con người ấy hẳn nhiên biết quý trọng biển cả. Bàn về cơ lược dùng binh, nhớ tới những năm tháng bôn ba, Gia Long dụ rằng: "Côn Lôn, Phú Quốc, Thị Nại, Cù Mông trăm cùng với các tướng sĩ các người đã trăm trận đánh vất vả mới có ngày nay. Lúc yên đừng quên lúc nguy. Đó thực là đạo giữ nước yên dân" (1). Chính vì thế, Gia Long là người rất quan tâm đến việc bảo vệ vùng biển.

Vị vua tiếp theo là Minh Mạng cũng đánh giá rất cao vị trí của biển, bản dụ năm 1829 nói rõ (tất nhiên mang tính giai cấp): bờ cõi nước ta dài theo ven biển, vốn dùng binh thuyền làm nghề sở trường.

Triều Lê bỏ việc võ bị ở ven biển, nhà Tây Sơn thao diễn hải quân không được tinh thực, để cho đến nỗi mất nước. Đức hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế nhà ta, khôi phục đất cũ, uy danh dậy khắp bốn phương, phần nhiều nhờ sức thủy quân, nay dẫu ở lúc thừa bình, càng không nên bỏ qua, phải sức cho quân lính thao diễn ngày thêm thuần thực, lại nhân thể tuần tiễu ngoài khơi, cũng là làm một việc mà được cả hai điều tiện lợi. Mới khiến thủy quân tuần tiễu phân bố, từ Quảng Trị trở về phía bắc đi lại thao diễn, lại sai các địa phương ở gần hải phận, xem xét có những kê đá nằm ngầm đáy nước, sâu nông rộng hẹp thế nào, vẽ thành đồ bản giao cho thủy quân để biết chỗ nào hiểm trở, chỗ nào bằng phẳng" (2).. Bởi như ông quan niệm "việc binh có thể 100 năm không dùng đến nhưng không thể một ngày không phòng bị được" (3).

Để đảm bảo nắm bắt nhanh chóng tình hình trên biển, nhà Nguyễn cho xây dựng một hệ thống thành, đồn, pháo đài dọc khắp các cửa biển và những nơi quan yếu. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin cũng được thiết lập để thông tin từ các thành, đồn biển được chuyển về kinh nhanh nhất.

Bước đầu phương tiện thông tin liên lạc ở các cửa biển được sử dụng bởi các "đài hoả phong", tuy nhiên đến năm Minh

*Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế.

Mạng thứ 17 (1836), thấy không tiện lợi bằng việc chạy ngựa trạm, bởi thế ông cho triệt các đài này và giao việc phòng giữ cho các địa phương tích cực đi tuần, gặp giặc thì cấp báo. Sử chép: "trước đây ở cửa bể Tư Dung và cửa bể Chu Mãi thuộc tỉnh Thừa Thiên, cửa bể Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam đều có đài hoả phong (một đài xây cao khi có giặc thì đốt lửa lên để làm hiệu). Nay vua ngự đến cửa bể Tư Dung dụ bảo rằng: "những bến ở vùng bể nếu gặp nhiều chỗ tuần phòng gặp việc khẩn cấp thời cho ngựa trạm chạy đi nhanh như bay khó gì không đến ngay được. Như thế với đài hoả phong lại không hơn hay sao?". Mới sai triệt hết đài hoả phong mà sai Binh bộ bàn định chương trình 6 cửa bể từ tỉnh Quảng Nam đến tỉnh Quảng Trị đều do quan địa phương sai binh thuyền đi lại tuần tiễu chỗ hải phận của tỉnh mình, có tin gì thời báo ngay để nghiêm việc phòng giữ ngoài bể" (4).

Năm Minh Mạng 18 (1837), vua dụ bảo bộ Binh và bộ Công rằng: "cửa biển Thuận An là nơi thiết yếu ở vùng bể, ở ngay kế nách kinh đô. Trước đây thuyền bè ra vào phải căn cứ vào văn thư của đồn canh tại cửa bể ấy báo lên thời không phải chậm trễ, nay thuận cho mé trước kinh thành theo bờ biển đến thành Trấn Hải phải tùy chỗ mà đặt "vọng lâu" (lâu trông xa) may cho cờ hiệu để thứ đệ truyền báo nơi nọ đến nơi kia, mỗi lâu phải đặt chức Suất đội, chức Thơ lại và binh lính đều ở trên lâu trông đi xa, nếu thấy lâu ở bên dưới báo cờ hiệu sắc gì thời trên lâu kéo ngay cờ hiệu cũng theo màu sắc ấy, để tin tức được nhanh chóng, vậy Binh bộ và Công bộ phải bàn điều lệ để tâu lên.

Vua lại dụ rằng: "phép lấy cờ hiệu để báo hiệu, đức Thế tổ Cao Hoàng đế là Hoàng khảo của trăm đã tính làm nhưng

chưa kịp thi hành, nay trăm làm theo chí của tiên đế, dù ngựa chạy theo đường trạm và văn thư gửi theo đường bưu cục ở đường thủy, cũng không nhanh chóng được như thế".

Hai bộ bàn rồi tâu lên, Minh Mạng chuẩn "cho lấy ngay lâu ở cửa chính đông và phía trái kinh thành làm một vọng lâu, và những nơi Đông Trí, Phổ Trí, Thạch Cấn, Phù An, Dương Lỗ, Thuận Lan, Trảng Châu, Cáp Châu cùng gần nơi phía tả thành Trấn Hải, tất cả 10 nơi chiếu thứ tự gọi là đệ nhất vọng lâu cho đến đệ thập, kỳ lâu (lâu cấm cờ) cất lính để trông xa mà cấp cho cờ hiệu, thẻ bài để ghi nhận, nếu cứ chuyển cáo về chậm hay nhầm, thời tùy việc nặng nhẹ mà trị tội. Về sau lấy cờ hiệu báo tin bằng lâu cấm cờ không bằng báo tin bằng cửa bể truyền đi lại nhanh chóng hơn, nên lại bỏ các lâu cấm cờ" (5).

Như thế, việc thông tin gặp những khó khăn nhất định so với nhu cầu phải nhanh chóng và chính xác của công việc, việc cung cấp tin tức từ cửa biển là quan trọng và cần thiết nên rất được quan tâm. Vua Minh Mạng vừa cho thay các đài hoả phong bằng chạy ngựa trạm và bưu cục thì năm sau lại thay bằng lâu cấm cờ nhưng ngay trong năm ấy hiệu quả không cao nên lại loại bỏ. Trên một trục từ Thuận An về Huế phải làm tới 10 lâu cấm cờ với số người túc trực không nhỏ mà hiệu quả không cao thì việc triệt tiêu nhanh chóng cũng là điều dễ hiểu.

Sách "Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ", phần Binh chế chép rõ về "hiệu cờ, hiệu súng, hiệu đèn ở đài trên đồn biển" như năm Gia Long thứ 12 (1813) chuẩn định: đài Trấn Hải ở cửa biển Thuận An hễ trông thấy lửa cháy ở đài đốt lửa trên núi Thái Lĩnh thuộc cửa biển Tư Hiền thì viên án thủ sai một mặt kéo cờ hiệu, một mặt phải

2 người nội hầu tiểu sai về tâu. Cho ghi điều này làm lệ. Năm Gia Long thứ 18 (1819), lại chuẩn định: từ nay về sau khi thuyền công sắp sửa vào cửa biển Thuận An, nếu gặp sóng gió không tiện vào bến, thì dài Trấn Hải dụ trước kéo cờ đỏ và bắn hai phát súng, khiến cho thuyền ấy nghe biết. Tuy tiện đi thẳng (6).

Việc treo cờ là thể diện quốc gia, có khi cũng chỉ là "cho oai" với người Tây như năm 1823, Minh Mạng ban chỉ: đài Điện Hải, pháo đài Định Hải dinh Quảng Nam là nơi bề biển, cần phải nghiêm túc. Vậy cho đem 3 lá cờ vàng cấp phát cho viên ở đài ấy trấn lĩnh. Hễ đến các tiết Thánh thọ, Vạn thọ, Nguyên đán, Đoan dương và mừng một, ngày rằm đều theo lệ treo cờ. Trừ khi thuyền buôn qua lại buôn bán thì không kể. Phàm khi trông thấy tàu thuyền của các thành dinh trấn đi vận tải của công, cùng là tàu thuyền của Tây dương hoặc đi qua ngoài biển, hoặc đậu ở bến sông đều nên treo cờ để trông vào cho oai. Điều này cho làm lệ vĩnh viễn (7).

Những thuyền công ra vào cửa biển thì lệ "treo cờ, bắn súng" chào mừng rất cụ thể, tùy mức độ mà bắn chừng mực, có khi vừa treo cờ vừa bắn súng có khi chỉ treo cờ không thổi. Đối với tàu thuyền nước ngoài, năm Minh Mạng thứ 11 (1830) qui định: "phàm tàu thuyền nước ngoài tới đậu ngoài cửa biển, vào các ngày thả neo và nhổ neo, thuyền ấy nếu có treo cờ, thì không kể là hiệu cờ gì; nếu có bắn súng thì không kể là tiếng súng nhiều hay ít, trên đài chỉ bắn đáp lại 3 tiếng súng thôi, không cần phải treo cờ đỏ. Về viên quan coi giữ đài Trấn Hải, từ nay, phàm trên đài có những khoản nên treo cờ bắn súng, thì viên quan coi giữ ấy phải lưu tâm trông nom. Nếu vẫn đặt mình ra ngoài công việc, đến nỗi khi gặp việc có sự lầm lẫn, thì ngoài những biển

chuyên làm việc ấy đều phải trị tội thích đáng không kể, mà viên quan coi giữ cũng bị xử tội" (8).

Việc qui định bắn súng cũng có sự phân biệt, thay đổi. Đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832) ban chỉ: "đài Điện Hải, An hải ở cửa biển Đà Nẵng Tỉnh Quảng Nam hiện nay phàm thuyền lớn đến hải phận của biển bắn 3 phát súng. Nếu khi có nhiều chiếc thuyền lớn cùng vào cửa biển, tiếng súng dù nhiều, 2 đài ấy cũng chỉ đều bắn 3 phát súng mà thôi. Điều này ghi làm mệnh lệnh mãi mãi" (9).

Đối với một đoàn thuyền, năm Minh Mạng thứ 15 (1834) qui định chỉ bắn súng khi chiếc đầu tiên và chiếc cuối cùng vào cửa biển. Phân biệt việc bắn súng lớn hay súng nhỏ tùy vào hạng thuyền như khi vào cửa Thuận An thì "nhân viên phòng thủ cửa biển cần phải xem xét kỹ lưỡng" (10). Tuy vậy, trên thực tế có khi quan coi cửa biển vẫn nhầm lẫn, như năm 1835, "thuyền buôn Tây dương đến cửa biển Đà Nẵng, họ bắn súng chào mừng chỉ là súng trường thế mà hai thành An Hải và Điện Hải lại không biết cân nhắc nên chẳng, lại dùng tiếng súng áo đỏ bắn đáp lại, đến nỗi tiếng súng lớn nhỏ không ngang nhau, thực là không đúng. Vậy viên chuyên quản hai thành ấy cho phạt một tháng lương, từ nay về sau các thuyền nước ngoài tới hải phận ấy, nếu không bắn súng lớn thì chỉ dùng súng điều thương bắn để chào mừng, cũng không cần trách lăm, chỉ là ở trên thành không cần bắn súng đáp lại (11).

Đối với thuyền công nước ngoài tới cửa Đà Nẵng, năm 1835, Minh Mạng qui định: nếu treo cờ bắn súng thì trên thành chỉ bắn 3 tiếng. Thuyền buôn có bắn 7 hay 9 tiếng thì cũng chỉ bắn 3 tiếng, nếu họ bắn 3 tiếng thì trên thành không cần bắn đáp trả (12).

Điều đặc biệt là chưa phân biệt ban ngày, ban đêm nên có khi không tiện cho việc bắn súng. Cho tới sự cố năm 1839, ở cửa biển Đà Nẵng bắn súng vào ban đêm làm "tiểu dân không biết gì, hoặc có kẻ kinh ngạc", từ đấy qui định không bắn súng vào ban đêm. Nhưng, trên các đài biển: duy ban đêm lệ trước chưa có ký hiệu, e ban đêm lái thuyền không ghi nhận vào đâu được, hoặc đến nổi lằm lẩn. Vậy cho bộ sai thợ linh vật hạng làm một cái đèn lồng lớn, chu vi cốt được trên dưới 7, 8 thước, trong bọc giấy trắng, ngoài bọc vải the, khi thấp đèn lên trông xa như một cái quàng đỏ lớn (...), trừ đêm nào mưa, gió, các thuyền vào cửa biển không tiện, thì không cần thấp đèn treo lên, còn những đêm trời tạnh thì đèn lồng ấy treo lên cột cờ, thấp đèn suốt đêm, khiến cho các thuyền ngoài biển được nhận làm chuẩn đích của cửa biển (13).

Nhằm phục vụ cho việc nhận diện các tàu phương Tây được chính xác, năm 1836 cho phát ra bản vẽ hiệu cờ các nước ngoài chia cho cửa biển Thuận An, cửa biển Đà Nẵng và cửa ải Hải Vân mỗi nơi đều 1 bức. Do viên quan ở cửa biển và cửa ải nhận giữ. Nếu có thuyền nước ngoài đến đậu ở cửa biển, thì lập tức đối chiếu hiệu cờ ở trong bản vẽ, xem là hiệu cờ của nước nào, rồi kể rõ vào trong tờ tâu, lại vẽ riêng hình cờ của thuyền ấy vào một miếng giấy nộp lên bộ để "phòng khi chiếu nghiệm" (14).

Bên cạnh đó nhà Nguyễn đã áp dụng phổ biến kính Thiên lý và đánh giá rất cao hiệu quả của nó. Sách *Đại Nam hội điển sự lệ* cho biết nhiều thông tin về kính Thiên lý được sử dụng rộng rãi để quan sát phục vụ trong quân đội.

Hầu hết các tỉnh được cấp kính Thiên lý. Các đồn biển, thuyền tuần biển, thuyền công đi ra nước ngoài, đều được cấp kính và

cử người thông thạo đi theo phục vụ đắc lực cho việc nhìn ngắm rõ ràng. Bởi "vùng biển mênh mông, chỉ có kính Thiên lý có thể trông xa được, vậy cho trích ra 3 chiếc, giao cho một tên thị vệ, do đường trạm chạy từ Nghệ An trở ra Bắc, chuyển tới các thuyền binh ấy chia cấp, để phòng khi nhìn xem tình hình giặc biển, khi việc xong lại đem về nộp" (15).

Bắt đầu từ việc nhìn sai ở cửa Thuận An năm 1825, thuyền công trở về cửa Thuận An lại nhìn nhầm, báo cáo là "có thuyền Tây dương tới đậu, trên treo cờ đỏ", Minh Mạng lấy làm tức giận, "thật là càn rỡ quá lắm", ông ban chỉ: từ nay về sau cần đem kính Thiên lý nhìn rõ, tùy việc báo về kỹ lưỡng, nếu còn sai lầm, ắt theo mức nặng mà trị tội, nếu quan hệ đến quân cơ, đến nỗi bị sai lầm, thì lập tức chiếu theo quân pháp mà nghiêm trị, dứt khoát khó khoan dung (16).

Tiếp đó là liên tục các chỉ dụ về việc sử dụng kính Thiên lý ở các nơi quan yếu như Hải Vân quan, Đà Nẵng, Thuận An:

- Cửa ải Hải Vân có đặt đồn phòng thủ là để trông các thuyền ở ngoài biển. Từ nay về sau, người phái đến thay ban, cho do viên cai quản nhận lấy người nhìn ngắm kính Thiên lý thông thạo đi thay ban phòng thủ (17).

- Cửa biển Đà Nẵng ở tỉnh trực phía nam, đường biển mênh mông, sương mù mờ mịt, về màu thuyền, kiểu buồm đối với người nhìn ngắm, cũng có khi không khỏi sức mắt có thể thấy được, đã có ban cấp 1 ống kính Thiên lý. Từ nay, phạm biên binh ở các vệ Cảnh tất, Hộ vệ, Kim thương, Thượng tứ theo lệ phải đến ở lâu dài ở cửa ải Hải Vân. Mỗi khi đến kỳ thay đổi, thì viên cai quản ắt phải lựa chọn người nhìn ngắm kính Thiên lý thông thạo, cam kết

với bộ phái di, và định mỗi tháng 2 lần đem mặt kính hiện giữ lau chùi đúng phương pháp cốt cho được luôn luôn sáng sủa, gặp khi nhìn ngắm, thăm dò, phải lưu tâm nhận định, mười phần chính xác, cho khỏi đến khi tâu báo mơ hồ (18).

- Cửa biển Thuận An là nơi quan trọng của xứ Kinh kỳ. Viên quan giữ thành và giữ cửa biển, cần phải nhìn ra cửa biển thông thạo, để biết rõ tình trạng. Vậy cấp thêm cho sở ấy một ống kính Thiên lý. Phải ra một người Thị vệ hoặc Kim thương, cảnh sát, hộ vệ, mà ngắm nhìn thông thạo, đến đấy dạy tập các viên quân vệ, suất đội, tấn thủ, thủ*ngự, đội trưởng ở thành và cửa biển ấy(19).

Các hiệu cờ được qui định rất cụ thể, năm 1837 qui định: "Thuyền binh của các nước Tây dương, thả neo ở ngoài biển, thì dùng cờ hiệu "Đình tam", khi thuyền ấy chạy đi thì dùng cờ hiệu "Mậu cử". Thuyền nước ngoài gặp nạn gió thả neo ở ngoài biển thì dùng cờ hiệu "Đình ngũ", khi thuyền ấy chạy đi thì thêm cờ hiệu "Mậu cử"; "thấy kiểu thuyền giặc nước Thanh lãng vãng qua lại ở ngoài biển thì dùng cờ hiệu "Mậu tứ", nếu thấy thuyền ấy đã chạy đi thì thêm cờ hiệu "Mậu cử". Thấy kiểu thuyền giặc phương Tây lãng vãng qua lại ở ngoài biển thì dùng cờ hiệu "Mậu ngũ", khi thuyền ấy chạy đi thì thêm cờ hiệu "Mậu cử"... thấy rất nhiều thuyền binh, hoặc có chiếc phất cờ, đánh trống, bắn súng, như có tình hình hung ác, thì dùng cờ hiệu "Mậu thất"... , thấy có nhiều thuyền binh kiểu lạ, không phải là thuyền công, thuyền vận tải, thuyền buôn của triều đình ta thì dùng cờ hiệu "Mậu bát"... , thuyền ở ngoài xa, chưa phân biệt được thì dùng cờ hiệu "Mậu cử" (20)...

Chỉ riêng cửa biển Đà Nẵng là nơi thường có tàu phương Tây qua lại nhiều

nên năm 1840 nghị chuẩn: "pháo đài Phòng Hải ở cửa biển Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam. Phàm bất kỳ trông thấy thuyền nhiều dây ở ngoài biển, còn chưa phân biệt được rõ ràng là của ta hay của nước ngoài, nếu thấy 1,2 chiếc thì treo cờ đỏ, 3,4 chiếc thì trở lên thì treo cờ gấm trắng đỏ. Đến khi nhận biết là thuyền công nước ta thì lại treo cờ vàng, nếu là thuyền nước ngoài thì lại treo cờ gấm trắng lam" (21).

Tuy nhiên việc dùng cờ hiệu không phải bao giờ cũng có hiệu quả, như bản dụ năm 1838: cửa biển Thuận An là nơi bờ biển then chốt xứ Kinh kỳ, từ trước tới nay công việc thông báo, lệ do các viên tấn thủ, thủ ngự báo bằng giấy tờ. Trước đây dùng thuyền và người truyền đưa, hoặc khi hơi có chậm trễ, đã chuẩn y lời bộ Binh bàn, đặt ra các ở lâu cờ (đặt năm 1837) để truyền báo cho nhau là muốn được nhanh chóng. Nhưng hiệu cờ do các lần ấy báo ra, về sự nhanh chóng so với cửa biển Thuận An báo bằng giấy tờ cũng không hơn là mấy, mà số biên binh dùng để coi giữ lại tổn rất nhiều người. Hơn nữa nhìn xem màu cờ thường thường sai lầm, đến nỗi phải ghi nhận trở đi trở lại, rất là phiền phức, lại không bằng cửa biển Thuận An một mặt chạy báo còn hơn. Vậy các sở "lâu cờ" đã đặt ra, cho lập tức đình bãi. Phàm tất cả các công việc cần phải thông báo ở cửa biển Thuận An, cho do viên quan ở cửa biển ấy chiếu theo lệ cũ mà làm"(22)

Một hoạt động thường xuyên khác là tuần tra trên biển, chủ yếu tuần tiêu giặc biển. Khi tuần tra, để phân biệt tàu công hay bọn cướp biển, Minh Mạng năm thứ 9 (1828) qui định: "nếu trong biển thấy có tàu thuyền từ xa, họ lập tức đem cờ vàng treo lên, thuyền lớn thì treo ở cột cờ đuôi thuyền, thuyền nhỏ thì treo ở trên cây cột buồm để nhận rõ quốc hiệu của thủy quân.

Nếu không có cờ, tức là thuyền của giặc(23). Khi phát hiện thuyền giặc, "ban ngày thì bắn 3 phát đại bác, ban đêm cũng bắn 3 phát đại bác và bắn 5 chiếc pháo thăng thiên làm hiệu. Phàm xa gần nghe thấy thì lập tức khẩn cấp tiếp viện. Nếu thuyền giặc nhân gió bão chạy thì lấy thuyền nhanh nhẹ mà đuổi theo(24).

Dưới triều Nguyễn, sự tiếp xúc với phương Tây chủ yếu bằng đường biển và các vua Nguyễn cũng nhanh chóng hiểu ra rằng cần phải thay đổi cái nhìn truyền thống và hướng tới việc chú trọng bảo vệ quốc gia là phòng thủ vùng biển. Tuy còn những hạn chế nhất định song những biện pháp đó đương thời phát huy tác dụng

không nhỏ trong mục tiêu bảo vệ quốc gia nói chung.

Cần lưu ý thêm rằng hệ thống các đồn biển ngoài nhiệm vụ đóng giữ cửa biển còn có nhiệm vụ thông tin bằng việc treo cờ hay chạy trạm. Bên cạnh đó là hệ thống thuyền buôn và thuyền đánh cá của các địa phương cũng tham gia tích cực vào việc thông báo tin tức trên biển. Chính họ đóng góp một phần không nhỏ trong việc bảo vệ, bởi "bất cứ lúc nào nhà vua cũng có thể huy động thêm thuyền buôn và thuyền chài đi lại chi chít ngoài ven biển" (25). Chính nó là cơ sở để những thông tin trên biển được chuyển về nhanh chóng chứ không phải chỉ bằng con đường chính qui.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tái bản lần thứ nhất, tập I, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2002, tr. 811.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mạng chính yếu*, tập 2, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1994, tr. 293.

(3). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (Hội điển), tập 5, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2005, tr. 406.

(4). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mạng chính yếu*, tập 3, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1994, tr. 259.

(5). *Minh Mạng chính yếu*, tập 3, sđd, tr. 265

(6), (7). Hội điển, trang 587.

(5), (9). Hội điển, tr. 589.

(10), (11). Hội điển, tr. 590.

(12), (14). Hội điển, tr 591.

(13). Hội điển, tr. 595.

(15), (23). Hội điển, tr. 425-426.

(16). Hội điển, tr 596

(17), (18). Hội điển, tr 597.

(19). Hội điển, tr. 598.

(20). Hội điển, tr. 594.

(21), (22). Hội điển, tr 595-596.

(24). Hội điển, tr. 432.

(25). Dẫn lại: Nguyễn Phiến Quang *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 24.